

VAI TRÒ CỦA ĐẠO ĐỨC TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CAO THU HẰNG*
LÊ TRỌNG TUYẾN**
NGUYỄN VĂN PHÚC***

*Nhận bài ngày: 09/11/2021; đưa vào biên tập: 09/11/2021; phản biện: 10/11/2021;
duyet đăng: 22/11/2021*

Như chúng ta đều biết, đạo đức là một hiện tượng xã hội, bao gồm các quy tắc, chuẩn mực xã hội điều chỉnh hành vi của con người một cách tự giác, tự nguyện, theo hướng ưu tiên những lợi ích chân chính của xã hội và con người. Còn khoa học được xác định là một hệ thống tri thức về bản chất, quy luật tồn tại và phát triển của các sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; trong khi đó, nghiên cứu khoa học là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn (Luật Khoa học và Công nghệ 2013).

Với những điều như trên, có thể thấy,

quan hệ giữa đạo đức và khoa học là một quan hệ rộng lớn bao quát cả phương diện ý thức và phương diện hoạt động, cả trên bình diện xã hội và bình diện cá nhân. Như vậy, vai trò của đạo đức trong nghiên cứu khoa học không chỉ là một phương diện của mối quan hệ rộng lớn giữa đạo đức và khoa học. Vai trò của đạo đức trong nghiên cứu khoa học chủ yếu được thể hiện thông qua những tác động, ảnh hưởng của nhân cách đạo đức nhà khoa học đến định hướng, mục đích và kết quả nghiên cứu, và việc áp dụng các thành tựu, các kết quả đó vào xã hội và đời sống con người. Tuy nhiên, nhân cách đạo đức của con người nói chung, nhà khoa học nói riêng lại hình thành và phát triển trong sự quy định và tác động qua lại với môi trường văn hóa, đạo đức và rộng ra là môi trường xã hội nói chung. Bởi

* Tạp chí Cộng sản.

** Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng.

*** Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

thể để xem xét vai trò của đạo đức trong nghiên cứu khoa học, một mặt, phải xem xét trực tiếp; mặt khác, cũng phải tính đến những tác động gián tiếp từ đạo đức xã hội đối với hoạt động nghiên cứu của nhà khoa học.

Với cách nhìn nhận như vậy, theo chúng tôi, vai trò của đạo đức trong nghiên cứu khoa học có thể được nhìn nhận theo những tác động chủ yếu sau:

Thứ nhất, đạo đức điều chỉnh hành vi người nghiên cứu theo hướng phụng sự sự phát triển xã hội và con người.

Đây chính là vai trò chức năng của đạo đức trong nghiên cứu khoa học; nó cũng đồng thời là chuẩn mực, nguyên tắc đạo đức phổ quát của nhà nghiên cứu. Như chúng ta đã biết, bản chất của nghiên cứu khoa học là hoạt động hướng tới việc phát hiện những quy luật và tính quy luật của các hiện tượng tự nhiên và xã hội, của đời sống vật chất và tinh thần con người. Việc tìm hiểu những quy luật và tính quy luật đó gắn liền với hoạt động sinh sống của con người, xã hội loài người và là một trong những sức mạnh bản chất của con người. Hình thức sơ khai của hoạt động này là sự quan sát và đúc kết hình thành những tri thức kinh nghiệm về các sự vật và hiện tượng liên quan đến chính đời sống của xã hội và con người. Không có những tri thức như vậy xã hội và con người không thể tồn tại và phát triển. Ở trình độ phát triển cao hơn của xã hội, với sự phân xuất các hoạt động người thành các lĩnh vực chuyên

biệt, khoa học từng bước trở thành một lĩnh vực đặc thù, một nghề nghiệp đặc thù đối với người nghiên cứu. Khi đó, chỉ có những người có học thức, năng lực và đam mê mới nghiên cứu khoa học, đồng thời hình thành một lĩnh vực, một loại hình lao động đặc thù và gắn liền với điều đó là sự hình thành giới khoa học.

Với tư cách là hoạt động nhận thức, khám phá những quy luật, tính quy luật của hiện thực, nghiên cứu khoa học và ứng dụng các thành tựu khoa học hiện diện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Thành tựu của khoa học là cơ sở cho sự phát triển lực lượng sản xuất, tăng năng suất lao động..., nghĩa là góp phần to lớn vào sự phát triển kinh tế. Khoa học cũng góp phần tạo ra những điều kiện, phương tiện, công cụ tối ưu cho sinh hoạt, nâng cao sức khỏe, tuổi thọ và phát triển nhân cách con người. Khoa học xã hội và nhân văn là cơ sở của việc xây dựng những thiết chế xã hội những quan hệ tốt đẹp giữa người với người... Như vậy, về bản chất, hoạt động nghiên cứu khoa học là hoạt động gắn liền với đạo đức và theo một nghĩa nhất định, nó là một hình thức biểu hiện của đạo đức; bởi lẽ, đạo đức không có gì khác hơn là những hoạt động, những hành vi đem lại lợi ích (tinh thần và vật chất) cho xã hội và con người. Tuy nhiên, khi nói rằng hoạt động khoa học là một hình thức biểu hiện của đạo đức, thì không có nghĩa rằng, toàn bộ các hoạt động, các hành vi được thực hiện bởi các

nhà khoa học đều chứa đựng nội dung hoặc phương diện đạo đức.

Như chúng ta biết, những nghiên cứu khoa học và thành tựu nghiên cứu tức là các tri thức khoa học tự nó là trung tính về mặt giá trị. Tri thức khoa học là sự phản ánh hiện thực, cuộc sống ở cấp độ lý tính. Tính chân lý của tri thức khoa học không phụ thuộc vào lập trường, ý chí, tình cảm của người nghiên cứu, mà phụ thuộc vào việc nó có phù hợp với bản thân các quy luật và tính quy luật của hiện thực cuộc sống hay không. Mục đích trực tiếp của người nghiên cứu khoa học là hướng đến phát hiện chân lý. Tuy vậy, khoa học không phải là trò chơi của trí tuệ, trò chơi của nhà khoa học. Khoa học, nghiên cứu khoa học, phát hiện các tính quy luật và quy luật là để nhằm phục vụ các nhu cầu sống của con người và xã hội loài người. Theo nghĩa đó, đạo đức biểu hiện trong nghiên cứu và áp dụng các thành tựu nghiên cứu khoa học.

Khi khoa học hình thành như một lĩnh vực hoạt động đặc thù thì cũng là lúc xã hội loài người bị phân chia thành các giai cấp, các lực lượng xã hội có lợi ích khác nhau, đối lập nhau. Các giai cấp, các lực lượng xã hội, thông qua các thiết chế xã hội, đã tổ chức nghiên cứu và áp dụng các thành tựu khoa học nhằm phục vụ những lợi ích của giai cấp hoặc lực lượng nhất định. Hoạt động của một nhà khoa học có thể độc lập một cách tương đối, nhưng xét tới cùng, vẫn bị chế ước bởi một thời đại, một chế độ nhất định.

Những nhà khoa học chân chính là những người coi sứ mệnh của mình là phụng sự sự phát triển xã hội và con người bằng và thông qua hoạt động nghiên cứu của mình. Tuy nhiên, để nhận thức và thực hiện được sứ mệnh đó, nhà khoa học phải có một sự phát triển nhất định về đạo đức nói chung và đạo đức của nhà khoa học nói riêng.

Như mọi lĩnh vực nghề nghiệp khác, nghiên cứu khoa học cũng có những chuẩn mực đạo đức đặc thù phù hợp với tính đặc thù của nghiên cứu khoa học. Những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cơ bản nhất của người làm nghiên cứu khoa học là: đề cao sứ mệnh phục vụ xã hội và con người; nhân đạo, tôn trọng con người trong nghiên cứu; trung thực và dũng cảm trong nghiên cứu và áp dụng các thành tựu nghiên cứu; khiêm tốn, say mê, kiên trì; đề cao tinh thần trách nhiệm, tôn trọng pháp luật; có tinh thần cộng tác và hỗ trợ đồng nghiệp trong nghiên cứu. Thực hiện tự giác và tự nguyện những chuẩn mực này không chỉ giúp nhà khoa học đạt được những thành tựu khả quan nhất, mà nó đồng thời làm cho nghiên cứu của nhà khoa học trở nên có ích; nói cách khác, sự phát triển đạo đức, đạo đức nghề nghiệp của nhà khoa học giữ vai trò điều chỉnh hành vi nghiên cứu theo hướng phụng sự sự phát triển xã hội và con người, đáp ứng sứ mệnh, bản chất của khoa học.

Sự điều chỉnh này được thể hiện và thực hiện trong việc xác định và lựa

chọn hướng nghiên cứu nhằm giải quyết những vấn đề đặt ra đối với sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước và của nhân loại. Chẳng hạn, để góp phần vào sự phát triển bền vững như là yêu cầu vừa cấp thiết vừa lâu dài hiện nay, một nhà nghiên cứu nào đó, thay vì chạy theo những nghiên cứu thu được lợi ích trực tiếp nhất thời, sẽ tập trung, đem hết tâm huyết vào nghiên cứu nhằm sáng tạo những vật liệu, những công nghệ sản xuất công nghiệp hoặc nông nghiệp thân thiện với môi trường. Những nghiên cứu như vậy có thể gặp những trở ngại về các điều kiện vật chất, kinh phí hoặc xác suất thành công không cao; khi có những rủi ro, thất bại không được trả thù lao như những nghiên cứu dễ dàng hơn trong những lĩnh vực khác. Tuy nhiên, đạo đức, tức là trách nhiệm và tinh thần hăng say, kiên trì, quyết tâm cao trong nghiên cứu sẽ thúc đẩy nhà khoa học vượt qua những trở ngại để tận tâm phụng sự xã hội và con người theo những mục đích đã được xác định.

Trong trường hợp ngược lại, tức là nếu thiếu đi sự phát triển đạo đức tương xứng với sứ mệnh nghiên cứu khoa học thì nghiên cứu của người làm khoa học sẽ mất đi ý nghĩa nhân văn, thậm chí trở thành lực cản đối với sự phát triển xã hội và con người. Cụ thể hơn, sự thù địch con người, lòng ham muốn quyền lực, tiền bạc, danh vọng một cách không chính đáng cùng những thói xấu khác sẽ thúc đẩy nhà khoa học tiến hành

những nghiên cứu và ủng hộ những ứng dụng khoa học vào việc chống lại loài người. Thực tiễn nghiên cứu và ứng dụng khoa học từng chứng kiến, các thế lực phản động thường khuyến khích và tài trợ cho những nghiên cứu chống lại con người, loài người. Và khoa học từ chỗ là biểu hiện của sức mạnh bản chất con người, phương tiện hùng mạnh góp phần phát triển xã hội và con người, lại thể hiện ra như là sức mạnh hủy diệt văn minh và sát hại con người. Bom nguyên tử, bom sinh học, chất độc da cam và hàng loạt vũ khí hủy diệt khác đã cho thấy tác hại của việc thiếu nhân tính, thiếu đạo đức trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học. Những tác động từ mặt trái của tiến bộ khoa học công nghệ như vậy cho thấy sự cần thiết và vai trò của đạo đức trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học.

Trong điều kiện hiện nay, cùng với những hiểu biết sâu rộng trong nhiều lĩnh vực, chẳng hạn, trí tuệ nhân tạo, sinh học, sinh học người, y học, dược học, kỹ thuật số, công nghệ nano..., việc nghiên cứu và ứng dụng khoa học luôn đối diện với một ranh giới mong manh giữa thiện và ác. Bảo vệ môi trường hay hủy hoại môi trường, bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người hay sát hại con người, tạo ra những điều kiện tối ưu cho sự phát triển con người hay làm tha hóa con người, v.v. đều liên quan đến nghiên cứu và ứng dụng khoa học.

Thứ hai, đạo đức góp phần nâng cao năng lực nhà khoa học.

Không thể đồng nhất một cách trực tiếp và đơn giản đạo đức với năng lực nói chung, năng lực nhà nghiên cứu khoa học nói riêng. Người có năng lực nghiên cứu nhất định chưa hẳn đã là người có đạo đức phát triển. Bằng chứng là đã có những nhà khoa học phục vụ cho các thế lực thù địch con người; cũng như vậy, có những người luôn ủng hộ cái thiện, chống lại cái ác nhưng chỉ là người nghiên cứu bình thường. Tuy vậy, trong nhiều trường hợp, đạo đức vẫn có thể là động lực cho nhà nghiên cứu khoa học, đồng thời góp phần nâng cao năng lực nhà khoa học. Bởi lẽ, khi có một sự phát triển nhất định về đạo đức, bất kể nhà khoa học ở trình độ nào cũng mong muốn đem toàn bộ tâm huyết và tài năng của mình để phụng sự cho lý tưởng mà mình đã lựa chọn và theo đuổi. Động lực ấy sẽ giúp họ gắn bó với sự nghiệp, hướng hoạt động nghiên cứu của mình vào giải quyết những vấn đề ích nước, lợi dân. Động lực ấy sẽ thúc đẩy họ tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Trình độ chuyên môn là một trong những điều kiện trực tiếp đảm bảo cho nghiên cứu có hiệu quả. Đồng thời, trình độ chuyên môn chỉ được thực sự khẳng định trong chính quá trình nghiên cứu. Như thế, đạo đức nhà khoa học, tức là khát vọng cống hiến, sự say mê, kiên trì... vừa là động lực, vừa là tác nhân làm phát triển, và khẳng định năng lực nhà khoa học.

Dĩ nhiên, có quan niệm cho rằng, các phát kiến khoa học thường xuất hiện

một cách đột xuất, ngẫu nhiên thông qua một trực giác, một phút lóe sáng mang tính thần nhập. Thậm chí một số nhà khoa học cũng cho rằng, không thể lý giải được một cách logic con đường và thời điểm của sự sáng tạo trong khoa học. Vì thế, phát kiến khoa học không liên quan đến ý chí, và do đó không liên quan đến đạo đức nhà khoa học. Bởi theo họ, ý chí là cơ sở tâm lý của các phẩm chất đạo đức cũng như là điều kiện để thể hiện và thực hiện các hành vi đạo đức. Tuy nhiên, nhiều nhà khoa học lại cho rằng, những phát kiến khoa học không thuần túy là trực giác, mà chúng có mối quan hệ bản chất với toàn bộ quá trình học tập, nghiên cứu tích lũy, suy xét của mỗi nhà khoa học. Những thời khắc trực giác của nhà khoa học, suy cho cùng, chính là sự đột khởi của cả một quá trình nghiên cứu chứ không phải bỗng nhiên mà có. Nói cách khác, không có cả một quá trình (có thể dài ngắn khác nhau đối với mỗi nhà khoa học cụ thể) ý chí mách bảo, sự say mê và kiên trì thu thập dữ liệu, xử lý, phân tích, khái quát... thì cũng không thể có được phút lóe sáng của sự phát kiến, sáng tạo trong khoa học. Không phải ngẫu nhiên mà A. Einstein, nhà khoa học hàng đầu của thế kỷ XX, từng nói rằng, thành công của nhà khoa học được tạo thành bởi 99% là lao động, chỉ có 1% là năng khiếu bẩm sinh. Lao động đối với nhà khoa học là sự kiên trì, say mê là tinh thần vượt khó trong nghiên cứu. Nói cách khác đó chính là phẩm chất, chuẩn mực, yêu cầu đạo đức tối thiểu đối với

mỗi nhà khoa học để có được thành tựu. Như vậy, trong trường hợp này, vai trò của đạo đức thể hiện ra ở chỗ, nó chính là động cơ thúc đẩy nhà khoa học trên các phương diện: học tập nâng cao trình độ chuyên môn, say mê và kiên trì nghiên cứu.

Thứ ba, đạo đức góp phần khắc phục những tiêu cực trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học.

Sự phát triển đạo đức nhà khoa học không chỉ giúp họ hướng thiện mà còn góp phần khắc phục những hạn chế, những thói xấu về mặt đạo đức gắn với nhân cách con người. Một trong những tiêu chí đánh giá nhân cách đạo đức con người là thái độ đối với lao động và tinh thần làm việc. Đối với nghiên cứu khoa học, tinh thần lao động là yêu cầu quan trọng. Bởi lẽ, nghiên cứu khoa học là tìm tòi, phát kiến cái bản chất thông qua cái hiện tượng. Công việc đó không chỉ đòi hỏi sự đam mê mà còn là sự cần mẫn. Trong trường hợp này, sự phát triển đạo đức của nhà khoa học giúp họ khắc phục được sự lười biếng vốn là trở ngại đối với nghiên cứu khoa học.

Trong nghiên cứu khoa học, sự gian dối là một điều cấm kỵ về mặt đạo đức; nhưng trên thực tế nó vẫn diễn ra. Sự gian dối gây thiệt hại cho khoa học trên nhiều phương diện. Chẳng hạn việc đạo văn tức là lấy các ý tưởng, câu hoặc cụm từ của người khác làm của mình. Có thể thấy rằng, với cách hiểu như trên về đạo văn, thì đạo văn không hề làm gia tăng tri thức

của nhân loại về một lĩnh vực, một vấn đề nào đó. Đồng thời, nó còn gây ra nhiều hệ lụy như tiêu tốn một cách vô ích kinh phí nghiên cứu, đánh giá; đặc biệt, nó góp phần tạo ra một thói xấu không chấp nhận được trong nghiên cứu khoa học. Sự gian dối trong nghiên cứu còn thể hiện ở chỗ, người ta sử dụng những dữ liệu giả tạo để đi đến những kết luận giả tạo không phản ánh được thực chất của vấn đề. Chẳng hạn, người ta có thể gian dối đưa cổ vật từ vùng đất này đến vùng đất khác để kết luận rằng, nơi khác đó cũng chính là địa bàn sinh sống của một tộc người tại một thời đại lịch sử mà người nghiên cứu muốn áp đặt... Việc nghiên cứu nhân bản vô tính tế bào gốc có ý nghĩa quan trọng trong việc chữa trị các căn bệnh khó chữa như Alzheimer. Trường hợp giáo sư Hwang Woo-suk và năm thành viên khác trong nhóm nghiên cứu của ông đã dựa trên những dữ liệu bịa đặt để giả mạo kết quả công trình nhân bản tế bào phôi người mà ông công bố năm 2004 trên tạp chí khoa học của Mỹ, trong đó nói rằng ông đã tạo được một dòng tế bào gốc từ phôi người được nhân bản vô tính (Báo Nhân dân, 2006). Rõ ràng rằng, nếu có sự phát triển đạo đức, thì giáo sư Hwang và cộng sự đã không có hành xử như vậy, không làm ảnh hưởng đến tiến trình nghiên cứu để tìm ra phương thức chữa bệnh cho con người và không tiêu tốn kinh phí của các nhà tài trợ. Trong vụ việc này, giáo sư Hwang đã đã nhận 41,7 tỷ won (42,2 triệu USD) từ ngân sách

chính phủ và 4,3 tỷ won (4,35 triệu USD) từ các nguồn quỹ tư nhân cho công trình nghiên cứu của mình. Trong đó, có 2,5 tỷ won (2,6 triệu USD) trong số tiền này không được kê khai giải thích rõ ràng (Báo Nhân dân, 2006).

Do đó, phát triển đạo đức nghiên cứu sẽ góp phần thức tỉnh nhà khoa học, ngăn chặn họ thực hiện các hành vi gian dối trong quá trình nghiên cứu khoa học.

Phát triển đạo đức cũng giúp nhà khoa học và cả những người sử dụng kết quả nghiên cứu có những hành vi đúng đắn trong ứng dụng thành tựu nghiên cứu khoa học trong thực tiễn. Năng lượng hạt nhân giúp cho con người trong việc tiết kiệm được một số nguồn nguyên liệu quý hiếm như dầu mỏ, khí đốt trong hoạt động sản xuất; nhưng nó cũng được người ta ứng dụng trong chế tạo vũ khí hạt nhân - giết người hàng loạt. Công nghệ gen giúp con người có điều kiện hơn trong chăm sóc sức khỏe, chữa bệnh hiểm nghèo, nhưng nó cũng có thể gây ra việc nhân bản vô tính người, hay sử dụng công nghệ gen vào những mục đích vô nhân tính khác. Những ví dụ tương tự như vậy

về tác hại vô cùng lớn đối với loài người do bất chấp nguyên tắc đạo đức khi ứng dụng những tiến bộ khoa học công nghệ là rất nhiều. Đề cập vấn đề này không phải để hạ thấp, hay làm suy giảm vai trò không thể thay thế của khoa học, mà chính là để thấy rõ hơn sự cần thiết phải nhận thức sâu sắc khía cạnh đạo đức, phải xuất phát từ lợi ích chung của con người, của loài người cả trong quá trình nghiên cứu khoa học lẫn trong việc sử dụng những thành tựu mà các nghiên cứu khoa học cơ bản cũng như nghiên cứu khoa học ứng dụng đem lại.

Tóm lại, đạo đức mà cụ thể là những phẩm chất, những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu là yếu tố bản chất gắn liền với nhân cách, năng lực nhà khoa học. Chúng không chỉ định hướng nhân đạo, nhân văn tức là định hướng phụng sự cho sự phát triển xã hội và con người mà còn là nhân tố kích thích góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu và hiệu quả nghiên cứu cho nhà khoa học. Do vậy, tích cực rèn luyện và nâng cao đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu là yêu cầu tất yếu, thường xuyên của mỗi nhà khoa học chân chính. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Báo Nhân dân. 2006. “Hàn Quốc: Giáo sư Hwang Woo-suk bị buộc tội gian dối và tham ô”. <https://nhandan.com.vn/tin-tuc-the-gioi/han-quoc-giao-su-hwang-woo-suk-bi-bu-oc-toi-gian-doi-va-tham-o-585288>, truy cập ngày 10/12/2020.
2. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2013. *Luật Khoa học và công nghệ 2013*.